

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2017/HS-ST
Ngày: 15-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Phúc
2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2017/HSST, ngày 02 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Hùng C - Tên gọi khác: C máu - sinh năm: 1984 tại huyện P, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp Đ T, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; CMND số: 321140425; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Ngọc T, sinh năm 1945 (sống) và bà Lương Thị N, sinh năm 1946 (sống). Đăng ký thường trú: ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; vợ bị cáo tên: Nguyễn Hồng T, sinh năm 1986. Đăng ký thường trú: ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Làm ruộng, có 01 người con, sinh năm 2005.

Từ nhỏ sống chung với gia đình và đi học đến lớp 5 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2001, phạm tội “Cố ý gây thương tích” bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, đã chấp hành xong thời gian thử thách và các quyết định khác của bản án nên đương nhiên được xóa án tích. Ngày 25/7/2015, thực hiện hành vi gây thương tích cho người khác, đến ngày 13/5/2016 bị Ủy ban nhân dân xã TP xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng. Đến ngày 11/12/2016, cùng đồng phạm thực hiện hành vi chặn xe mô tô của người đi đường để cưỡng đoạt tài sản, bị phát hiện, khởi tố và bắt tạm giam cho đến nay.

- Tiền án: không.

- Tiền sự: Có 01 tiền sự. Ngày 25/7/2015, thực hiện hành vi gây thương tích cho người khác, đến ngày 13/5/2016 bị Ủy ban nhân dân xã TP xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng. Đã thực hiện nộp phạt ngày 12/5/2017.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 13/12/2016 theo Lệnh bắt tạm giam bị can số: 01 ngày 13/12/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P; sau đó tiếp tục tạm giam theo Quyết định gia hạn tạm giam số 02 ngày 09/3/2017, Lệnh tạm giam số: 07 ngày 21/5/2017 và Quyết định gia hạn thời hạn tạm giam để truy tố số 04 ngày 29/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Bị cáo có mặt tại tòa.

2. Nguyễn Văn L - Tên gọi khác: L què - sinh năm: 1991 tại huyện P, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp ĐT, xã TP, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; CMND số: 321402374; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 (sống) và bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1957 (sống). Đăng ký thường trú: ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; bị cáo chưa có vợ.

Từ nhỏ sống chung với gia đình và đi học đến lớp 7 thì nghỉ học, ở nhà phụ giúp gia đình. Đến ngày 11/12/2016, cùng đồng phạm thực hiện hành vi chặn xe của người đi đường để cưỡng đoạt tài sản, bị phát hiện, khởi tố và cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

- Tiền án: không.

- Tiền sự: không.

- Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 01 ngày 14/12/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

3. Trần Văn T - Tên gọi khác: T - sinh năm: 1985 tại huyện TP, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp ĐT, xã TP, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; CMND số: 321247798; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Võ Thị T, sinh năm 1946 (sống). Đăng ký thường trú: ấp ĐT, xã TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre; Vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1987. Đăng ký thường trú: ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bị cáo có 02 người con. Lớn sinh năm 2005; nhỏ, sinh năm 2016.

Từ nhỏ sống chung với gia đình, không được đi học và ở nhà phụ giúp gia đình. Đến ngày 11/12/2016, cùng đồng phạm thực hiện hành vi chặn xe của người đi đường để cưỡng đoạt tài sản, bị phát hiện, khởi tố và cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

- Tiền án: không.

- Tiền sự: không.

- Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 02 ngày 14/12/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Hùng C: Ông Trần Nhật Long H – Văn phòng luật sư Huy Nguyên thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Hùng C:

Nguyễn Hồng T – sinh năm: 1986, ĐKTT: 89/1 Ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Người bị hại:

Nguyễn Quốc T – sinh năm: 2000, ĐKTT: ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt

Nguyễn Thị Song N – sinh năm: 2006, ĐKTT: ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Nguyễn Văn N – sinh năm: 1974, ĐKTT: ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Người làm chứng:

Nguyễn Hồng T – sinh năm: 1986, ĐKTT: 89/1 Ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Lê Thị K – sinh năm: 1984, ĐKTT: Ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Lê Thanh T – sinh năm: 1983, ĐKTT: Ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 11/12/2016, sau khi cùng nhau uống rượu, bia nhiều nơi thuộc ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Trên đường về, Lê Hùng C (tên gọi khác: C máu) rủ Nguyễn Văn L (tên gọi khác: L què) và Trần Văn T (tên gọi khác: T) cùng cư trú ở ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre đi chặn xe xin tiền người đi đường để sử dụng uống rượu tiếp thì được L và T đồng ý. C, L và T đi bộ dọc theo lộ bê tông một đoạn cách nhà C khoảng 150 mét thì Nguyễn Quốc T, sinh năm 2000, cư trú ấp GB, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Thị Song N (em của T), sinh năm 2006 (cư trú cùng ấp) đi ngang, do đường đang được bơm cát nên bánh trước xe của T bị lún trong cát và dừng lại. Lúc này, C, L và T đi đến, C đứng chặn trước đầu xe của T và nói: “Có phải Công an không?”. T nói: “Em còn nhỏ, không phải”. L nói: “Đừng làm Công an, làm Công an anh chém chết”. C tiếp tục nói: “Có tiền không? Cho vài trăm uống rượu”, nhưng T và N nói không có tiền. L liền nói: “Bị ghìen xì ke, cho vài trăm mua thuốc” thì T vẫn nói không có tiền. L quay sang T đang ngồi cách đó khoảng 04 mét nói: “Hàng đâu? Hàng đâu? Đưa đây”. Bị đe dọa làm N khóc, vì đường vắng và sợ bị hành hung nên T lấy tờ tiền mệnh giá 100.000đ

(một trăm ngàn đồng) đưa cho C. C lấy tiền đưa lại cho L cất giữ, cả ba cùng kéo xe T lên và T điều khiển xe đi đường khác.

Khoảng 15 phút sau, T điều khiển xe chở N chạy ngược trở lại để về nhà thì bị C, L và T tiếp tục chặn xe lại để xin thêm tiền, nhưng T nói đã hết tiền thì bị C dùng tay vặn chìa khóa tắt máy xe. T liền đến dùng tay sờ vào túi quần của T nhưng không tìm kiếm được tiền. Lúc này, N hoảng sợ nên khóc và kêu cứu. Vừa lúc đó, Nguyễn Hồng T (vợ của C) rọi đèn pin đi đến nói với C, L và T: “Mấy ông làm vậy tôi coi không được rồi nghen...”. Trêu T điều khiển xe chở N đi về nhà. Đến sáng hôm sau T đến Công an xã TP trình báo sự việc.

Sau khi nhận được tin tố giác, Cơ quan Công an đã mời Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Trần Văn T đến làm việc. Qua xác minh, cả ba đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như trên.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra còn có căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 11/12/2016 (trước khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên), Lê Hùng C đã thực hiện hành vi dùng dao gây thương tích cho ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1967, cư trú ấp TA, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre với tỷ lệ thương tật là 01% (một phần trăm). Ông B có đơn yêu cầu khởi tố nhưng sau đó đã rút đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với C.

Vật chứng của vụ án được thu giữ gồm: 01 (một) tờ tiền polime, mệnh giá 100.000đ (một trăm ngàn đồng) tiền Việt Nam.

Trong quá trình điều tra, người bị hại Nguyễn Quốc T yêu cầu được nhận lại số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng). Ngoài ra, không ai có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 15/KSĐT-KT, ngày 02-6-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Trần Văn T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận có quan điểm không khác cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm g, p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm h khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hùng C 08 (tám) tháng 02 (hai) ngày tù nhưng được khấu trừ vào thời hạn tạm giam. Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

- Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm h khoản 1 Điều 48, Điều 60, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm h khoản 1 Điều 48, Điều 60, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng

án treo; thời gian thử thách là từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/8/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận việc người bị hại Nguyễn Quốc T không yêu cầu nhận lại số tiền 100.000 đồng và đồng ý tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000 đồng, vật chứng hiện do cơ quan Thi hành án dân sự huyện P tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/KSĐT-KT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và biên lai thu tiền số 005866 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L, Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật và có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hùng C đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố, các điều luật áp dụng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo; không đồng ý đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 48 mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị và có yêu cầu cho bị cáo được hưởng mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Ý kiến của người bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại Nguyễn Quốc T, Nguyễn Thị Song N về trách nhiệm hình sự yêu cầu tòa án xét xử các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự không yêu cầu nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 100.000 đồng.

Các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L, Trần Văn T nói lời sau cùng: thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin lỗi bị hại và có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Căn cứ qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và qua tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ kết luận: Xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân và thái độ xem thường pháp luật nên vào khoảng 21 giờ 45 phút ngày 11/12/2016, tại ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre, Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Trần Văn T đã thống nhất cùng nhau chặn xe mô tô do Nguyễn Quốc T điều khiển chở Nguyễn Thị Song N để xin tiền. Khi T và N nói không có tiền thì bị C, L và T dùng lời nói và hành động đe dọa dùng vũ lực chiếm đoạt của T số tiền 100.000đ (một trăm ngàn đồng).

Hành vi của các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Xét thấy các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

Xét về nhân thân của các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Trần Văn T không có tiền án; bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn T không có tiền sự; trong quá trình điều tra và tại Tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn nên đây là các tình tiết được xem xét để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại các điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Lê Hùng C là người có bệnh bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Lê Hùng C có cha tham gia cách mạng, bị cáo L, T thuộc diện hộ nghèo nên đây là tính tiết để làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Do người bị hại Nguyễn Thị Song N là trẻ em nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp này các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên có căn cứ áp dụng quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo xét thấy bị cáo C có nhân thân không tốt đang có tiền sự nhưng không cải sửa mà còn vi phạm nên cần thiết áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

Đối với bị cáo L, T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội nên áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao các bị cáo Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục các bị cáo trong suốt thời gian thử thách theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp này các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm, trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tuy nhiên do C là người có nhân thân xấu, thực hiện hành vi tích cực hơn nên mức hình phạt sẽ nghiêm khắc hơn so với L, T.

Đối với hành vi Lê Hùng C dùng dao gây thương tích cho ông Nguyễn Văn B với tỷ lệ thương tật 1%, do ông B đã rút yêu cầu xử lý hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận việc người bị hại Nguyễn Quốc T không yêu cầu nhận lại số tiền 100.000 đồng và đồng ý tích thu sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000 đồng, vật chứng hiện do cơ quan Thi hành án dân sự huyện P tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/KSĐT-KT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú và biên lai thu tiền số 005866 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bị cáo Lê Hùng C phải nộp án phí, các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp án phí; các bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo Lê Hùng C, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Hùng C, người đại diện hợp pháp cho người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố:** bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Trần Văn T phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g, p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm h khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Hùng C 08 (tám) tháng 02 (hai) ngày tù, thời hạn tù được tính từ ngày 13/12/2016 đến nay xem như bị cáo đã chấp hành xong nên áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu Lê Hùng C không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm h khoản 1 Điều 48, Điều 60, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn

Văn L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/8/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm h khoản 1 Điều 48, Điều 60, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/8/2017.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục bị cáo trong suốt thời gian thử thách. Trường hợp trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn T có thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận việc người bị hại Nguyễn Quốc T không yêu cầu nhận lại số tiền 100.000 đồng và đồng ý sung công quỹ Nhà nước số tiền 100.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 100.000 đồng, vật chứng hiện do cơ quan Thi hành án dân sự huyện P tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/KSĐT-KT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và biên lai thu tiền số 005866 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Về án phí: áp dụng các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Hùng C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn T thuộc diện hộ nghèo được miễn nộp.

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo Lê Hùng C, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Hùng C, người đại diện hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ VĂN HIỆN – VÕ THỊ TÓ QUYÊN

CAO THANH MINH